Số: 97/QĐ-UBND
Thời gian ký: 11/01/2024 16:45:25 +07:00

Phụ lục III

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính (ha)									
				Thị trấn Ea Súp	Xã Ia Lốp	Xã Ia JLơi	Xã Ea Rốk	Xã Ya Tờ Mốt	Xã Ia RVê	Xã Ea Lê	Xã Cư KBang	Xã Ea Bung	Xã Cư M'Lan
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp**	**NNP/PNN**	**321,42**	**14,03**	**109,05**	**2,13**	**9,68**	**7,65**	**35,26**	**8,33**	**18,97**	**34,27**	**82,05**
	Trong đó:												
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	18,61	0,54	11,22	0,05	0,40	0,26	2,57	3,15	0,10	0,14	0,18
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	5,83	0,54		0,03	0,38	0,24	2,55	1,79		0,13	0,16
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	114,20	3,68	44,85	0,55	7,80	6,03	8,05	3,52	6,99	0,12	32,61
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	129,69	7,06	30,48	1,53	1,15	1,37	24,65	1,61	11,88	2,34	47,62
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	0,70										0,70
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	25,00									25,00	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	30,17		22,50		0,11					6,62	0,94
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/PNN	30,17		22,50		0,11					6,62	0,94
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	3,05	2,75			0,20			0,05		0,05	
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**		**197,55**									**195,37**	**2,18**
	Trong đó:												
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	2,18										2,18
2.2	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	195,37									195,37	
3	**Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở**	**PKO/OCT**											